

Bản án số: 689/2020/HC-PT

Ngày 13 - 11 - 2020

*V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực chế độ thương binh.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huỳnh.

Bà Huỳnh Thanh Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 436/2020/TLPT-HC ngày 13 tháng 8 năm 2020; về việc “khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực giải quyết chế độ thương binh. Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3912/2020/QĐPT-HC ngày 23 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1954; cư trú tại: Số 379, Quốc lộ 80, ấp AHN, xã TB, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lê Thị Vân L - Văn phòng Luật sư LL, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: Số 374, đường NSS, khóm 4, Phường 1, thành phố SĐ, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội (gọi tắt là: Sở LĐTB&XH) tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Thành Nh, Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Hoa N, Chức vụ: Phó Giám đốc (theo văn bản ủy quyền ngày 17/8/2018, có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp: Ông Lê Thành S, Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Người có công thuộc Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số 18, đường 30/4, Phường 1, thành phố CL, tỉnh

Đồng Tháp.

2. Ủy ban nhân dân (gọi tắt là: UBND) huyện TH, tỉnh Kiên Giang;

3. Chủ tịch UBND huyện TH, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh V, Chức vụ: Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền ngày 20/5/2020);

Địa chỉ: Thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Kiên Giang.

4. Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Minh Th, Chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: Số 06, đường NCT, Phường VT, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang, có: Ông Nguyễn Hoàng M .P.GĐ.Sở LĐTB&XH tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Người kháng cáo: Người bị kiện -Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2018 và quá trình tố tụng bà Nguyễn Kim H trình bày:

Năm 1985, bà H xác lập hồ sơ thương binh. Ngày 21/02/1985, bà H được UBND huyện TH, tỉnh Kiên Giang cấp “*Giấy chứng nhận bị thương*”. Ngày 01/7/1985, Trường ty TB&XH tỉnh Cửu Long ban hành Quyết định số CL-CK.3720 về trợ cấp thương tật và cấp sổ thương binh cho bà H (gọi tắt là: Quyết định số CL-CK.3720).

Năm 1989, do có tố cáo trường hợp thương tật của bà H là không đúng nên ngày 14/10/1989 UBND huyện TH ban hành Quyết định số 133/UB-QĐ rút lại “*Giấy chứng nhận bị thương*” của bà H (gọi tắt là: Quyết định số 133/UB-QĐ). Bà H không đồng ý nên khiếu nại. Ngày 14/12/1989, UBND huyện TH ban hành Quyết định số 155/UB-QĐ công nhận bà H là thương binh và được hưởng chế độ, chính sách như thương binh (gọi tắt là: Quyết định số 155/UB-QĐ).

Năm 2004, do tiếp tục bị phản ánh về việc hưởng chế độ chính sách thương binh của bà H nên ngày 18/10/2004 UBND huyện TH ban hành Quyết định số 1115/QĐ-UB rút lại Quyết định số 155/UB-QĐ, không công nhận bà H là người được hưởng chính sách như thương binh (gọi tắt là: Quyết định số 1115/QĐ-UB).

Bà H khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện TH. Ngày 01/02/2005, Chủ tịch UBND huyện TH ban hành Quyết định số 79/QĐ-CT, khẳng định Quyết định số 1115 là đúng, không chấp nhận khiếu nại của bà H (gọi tắt là: Quyết định số 79/QĐ-CT).

Bà H tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang. Ngày 24/01/2007, Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 126/QĐ-UBND. Về việc giải quyết khiếu nại của bà H, nội dung: Công nhận một phần Quyết định số 133/UB-QĐ về việc rút “*Giấy chứng nhận bị thương*” ngày 21/02/1985 là đúng chính sách pháp luật. Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện TH hủy bỏ một phần Quyết định 133/UB-QĐ, đồng thời hủy bỏ các Quyết định

155/UB-QĐ, Quyết định 1115/QĐ-UB, Quyết định 79/QĐ-CT vì không đúng thẩm quyền (gọi tắt là: Quyết định số 126/QĐ-UBND).

Ngày 07/02/2007, Chủ tịch UBND huyện TH ban hành Quyết định số 841/QĐ-UBND thu hồi hủy bỏ một phần Quyết định số 133/UB-QĐ, hủy bỏ các Quyết định số 155/UB-QĐ, 1115/QĐ-UB và 79/QĐ-CT).

Năm 2007, bà H khởi kiện Quyết định số 126/QĐ-UBND đến Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Ngày 23/3/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Công văn số 02/2007/CV-HC trả lời cho bà H là bà H khởi kiện Quyết định số 126/QĐ-UBND không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang không thụ lý giải quyết và trả lại đơn khởi kiện.

Căn cứ các Quyết định của UBND huyện TH, Chủ tịch UBND huyện TH và Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang nên Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Quyết định số 83/QĐ-TH ngày 29/11/2004 về việc thu hồi quyền lợi, chế độ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với bà H, nội dung: Thu hồi Quyết định số CL-CK3720, cắt trợ cấp từ ngày 01/12/2004 và thu hồi khoản tiền đã trợ cấp cho bà Nguyễn Kim H (gọi tắt là: Quyết định số 83/QĐ-TH).

Bà H khiếu nại nên ngày 21/6/2011, Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 111/QĐ-SLĐTBXH, nội dung: Cắt chế độ trợ cấp thương tật đối với bà H, thu hồi tiền và giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh, thẻ bảo hiểm y tế, phiếu khám chữa bệnh (gọi tắt là: Quyết định số 111/QĐ-SLĐTBXH).

Ngày 24/6/2011, Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp tiếp tục ban hành Quyết định số 114/QĐ-SLĐTBXH hủy Quyết định số 83/QĐ-TH, Quyết định số 111/QĐ-SLĐTBXH, lý do ban hành chưa đúng theo quy định của pháp luật và cắt chế độ trợ cấp thương binh đối với bà H, thu hồi tiền và giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh, thẻ bảo hiểm y tế, phiếu khám chữa bệnh (gọi tắt là: Quyết định số 114/QĐ-SLĐTBXH).

Bà H khởi kiện Quyết định số 114/QĐ-SLĐTBXH đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp vào tháng 08/2011, sau đó rút đơn kiện nên ngày 05/9/2013, Tòa án ra Quyết định số 03/QĐST-HC đình chỉ giải quyết vụ án. Bà H tiếp tục khiếu nại đến UBND huyện TH, UBND tỉnh Kiên Giang, UBND tỉnh Đồng Tháp, Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp nhưng không được giải quyết.

Sau khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp không xem xét giải quyết nên bà H tiếp tục khiếu nại, Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp có mời bà H đến tiếp xúc, đối thoại, giải quyết nhiều lần nhưng Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp vẫn không giải quyết chế độ thương binh cho bà H.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 83/QĐ-TH, Quyết định số 111/QĐ-SLĐTBXH và Quyết định số 114/QĐ-SLĐTBXH; Quyết định số 133/UB-QĐ, xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 841/QĐ-UBND và hủy Quyết định số 126/QĐ-UBND nhằm phục hồi lại các quyền lợi cho bà H

** Theo Văn bản ý kiến số 1043/SLĐTBXH ngày 27/7/2018 của Giám đốc*

Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp và bà Lê Thị Hoa N đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp trình bày tại Tòa sơ thẩm:

Tháng 02/1985, bà H kê khai hồ sơ thương binh với nội dung: Nhập ngũ ngày 02/01/1972 tại đơn vị xã TH, huyện TH, tỉnh Kiên Giang; chức vụ: Giao liên xã TH; bị thương ngày 03/3/1972 do trên đường đi công tác bị pháo địch bắn bị thương. Được Hội đồng xét duyệt chính sách xã TH, huyện TH, tỉnh Kiên Giang xác nhận và đề nghị về trên công nhận thương binh vào ngày 20/02/1985. Ngày 21/02/1985, UBND huyện TH cấp “*Giấy chứng nhận bị thương*” cho bà H. Hội đồng giám định y khoa tỉnh Cửu Long giám định tỷ lệ thương tật là 21% và được Ty Thương binh và Xã hội tỉnh Cửu Long (nay là tỉnh Vĩnh Long) thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng cho bà H theo Quyết định số CL-CK.3720. Tháng 01/1988, bà H chuyển hồ sơ và chế độ trợ cấp thương binh hàng tháng về xã TB, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp. Tại đây, nhiều người dân không đồng tình việc bà H được hưởng chế độ thương binh với lý do biết rõ bà H không tham gia trong tổ chức cách mạng và viết đơn gởi Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp yêu cầu làm rõ vụ việc.

Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp đã cử cán bộ phối hợp cùng Phòng LĐTB&XH huyện CT, tỉnh Đồng Tháp, UBND xã TH và Phòng LĐTB&XH huyện TH, tỉnh Kiên Giang tiến hành thẩm tra, xác minh. Từ báo cáo kết quả xác minh, Hội đồng xét duyệt chính sách xã TH xem xét lại và kết luận: Bà H không tham gia trong tổ chức Cách mạng tại xã TH; hủy bỏ Biên bản đề nghị xác nhận thương binh ngày 20/02/1985 và đề nghị cơ quan có thẩm quyền không công nhận bà H là thương binh. UBND huyện TH ban hành Quyết định số 133/UB-QĐ về việc rút lại “*Giấy chứng nhận bị thương*” do không phải là thương binh của bà H do UBND huyện TH ký ngày 21/02/1985 và không công nhận bà H là người hưởng chính sách như thương binh.

Căn cứ Quyết định trên, Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp có công văn số 498/LĐ-TBXH ngày 16/10/1989, đề nghị Phòng LĐTB&XH huyện CT, tỉnh Đồng Tháp cắt chế độ thương binh đối với bà H kể từ tháng 10/1989.

Khi bà H tiến hành khiếu nại Quyết định số 133/UB-QĐ thì UBND huyện TH lại ra Quyết định số 155/UB-QĐ với nội dung: Công nhận bà H là thương binh và được hưởng mọi chế độ, chính sách của thương binh; thu hồi lại những văn bản trái với Quyết định này.

Theo đó, Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp phải tiến hành lập lại hồ sơ trợ cấp, truy lĩnh chế độ thương binh cho bà H từ tháng 10/1989 đến tháng 12/1989 và tiếp tục chi trả chế độ trợ cấp thương binh hàng tháng cho bà H từ tháng 01/1990.

Đến tháng 6 năm 2004, nhân dân xã TB, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp phát hiện bà H được tái lĩnh trợ cấp thương binh nên đã gửi đơn đến các cơ quan chức năng đề nghị làm rõ vụ việc. Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp tiếp tục cử cán bộ phối hợp cùng các đơn vị chức năng tỉnh Kiên Giang tổ chức xác minh, làm rõ lại trường hợp của bà H lần thứ hai.

Kết quả xác minh lần hai được Đoàn thanh tra báo cáo trực tiếp lãnh đạo UBND huyện TH. Ngày 18/10/2004, Chủ tịch UBND huyện TH ra Quyết định số 1115/QĐ-UB. Căn cứ Quyết định số 1115/QĐ-UB, Giám đốc Sở

LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp phải ban hành Quyết định số 83/QĐ-TH ngày 29/11/2004 về việc thu hồi quyền lợi, chế độ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với bà H; yêu cầu bà H hoàn trả số tiền đã lĩnh để nộp vào ngân sách Nhà nước. Bà H không đồng ý với Quyết định số 1115/QĐ-UB nên đã khiếu nại đến UBND tỉnh Kiên Giang. Qua thẩm tra, Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 24/01/2007 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà H.

Khi nhận được Quyết định số 126/QĐ-UBND, bà H đến Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp yêu cầu được hưởng trợ cấp vì bà cho rằng Quyết định số 126 đã hủy Quyết định số 1115/QĐ-UB, trong khi đó Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp lại căn cứ Quyết định số 1115/QĐ-UB, nên Quyết định số 83/QĐ-TH ngày 29/11/2004 của Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp không còn giá trị.

Dù đã được Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp và các ngành, địa phương của Đồng Tháp giải thích, trả lời trực tiếp về nội dung bị hủy trong các Quyết định của UBND huyện TH ban hành trước đây nhưng bà H vẫn không đồng tình và yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 83/QĐ-TH.

Xét thấy, việc ban hành Quyết định với căn cứ mới không làm thay đổi bản chất vụ việc và đáp ứng mong muốn của đối tượng, ngày 21/6/2011, Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 111/QĐ-SLĐTBXH về việc thu hồi tiền chế độ trợ cấp người hưởng chính sách như thương binh đối với bà H.

Qua góp ý của các cơ quan chức năng, ngày 24/6/2011, Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 114/QĐ-SLĐTBXH về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà H và hủy các Quyết định số 83/QĐ-TH, Quyết định số 111/QĐ-SLĐTBXH, lý do ban hành chưa đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Quyết định số 114/QĐ-SLĐTBXH của Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp không có nhiều thay đổi so với Quyết định số 83/QĐ-TH và Quyết định số 111/QĐ-SLĐTBXH.

Các căn cứ pháp lý áp dụng trong hồ sơ và trong giải quyết vụ việc:

* Đối với hồ sơ kê khai tháng 02/1985:

Căn cứ quy định tại khoản 1, mục B, Phần thứ ba của Thông tư số 5/TT-76 ngày 17/6/1976 của Chủ tịch Chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam về việc giải thích và hướng dẫn thêm một số điểm thi hành Nghị định số 08/NĐ-76 ngày 17/6/1976 (gọi tắt là: Thông tư số 5/TT-76) quy định:

Về hồ sơ thương binh (kể cả những người bị thương được hưởng chính sách như thương binh) gồm có:

- a) Giấy chứng nhận bị thương,
- b) Giấy xác định thương tật,
- c) Tờ khai thương binh,
- d) 3 tấm hình (cỡ 3x4 cm).

Về “Giấy chứng nhận bị thương”: Phải do Thủ trưởng đơn vị hoặc cơ quan có người bị thương cấp. Đối với cán bộ dân, chính, Đảng cấp huyện, xã và công dân do ủy ban nhân dân huyện cấp.

* Đối với hồ sơ kê khai từ năm 2005:

Áp dụng tại tiết 2.2, khoản 2, mục 5, phần I của Thông tư số 07/2006/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2006 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn về hồ sơ, lập hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi người có công với Cách mạng có quy định “Người bị thương ở đơn vị nào thì đơn vị đó cấp “*Giấy chứng nhận bị thương*”, chuyển hồ sơ đến Sở LĐTB&XH nơi người bị thương cư trú chính thức giới thiệu giám định thương tật”.

Theo các quy định trên, Sở LĐTB&XH có chức năng ra quyết định và cấp sổ trợ cấp thương tật hoặc sổ thương binh, thực hiện chi trả chế độ cho người đủ điều kiện hưởng trợ cấp; không có thẩm quyền cấp “*Giấy chứng nhận bị thương*” hay xem xét cho hưởng chính sách thương binh ngoài quy định của pháp luật.

Do bà H đã khai hoạt động kháng chiến và bị thương tại xã TH, huyện TH, tỉnh Kiên Giang thì việc UBND huyện TH cấp “*Giấy chứng nhận bị thương*” là đúng. Khi UBND huyện TH rút “*Giấy chứng nhận bị thương*” thì Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp phải cắt chế độ thương binh đối với bà H theo quy định của pháp luật. Nếu bà H được UBND huyện TH cấp lại “*Giấy chứng nhận bị thương*” hoặc được đơn vị nơi công tác trước đây cấp “*Giấy chứng nhận bị thương*” thì Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp sẽ thực hiện chế độ thương binh cho bà H theo quy định.

Hiện tại, bà H không cung cấp được “*Giấy chứng nhận bị thương*” thì Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp không có cơ sở pháp lý nào để làm căn cứ thực hiện chế độ cho bà H nên vẫn phải thực hiện theo Quyết định số 114/QĐ-SLĐTBXH.

Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp đề nghị giữ nguyên Quyết định số 114/QĐ-SLĐTBXH.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà Lê Thị Hoa N xác định do hiện nay “*Giấy chứng nhận bị thương*” của bà H đã bị UBND huyện TH, tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 133/UB-QĐ rút lại “*Giấy chứng nhận bị thương*” của bà H cho nên đối với yêu cầu hủy Quyết định 114/QĐ-SLĐTBXH là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên Quyết định số 114/QĐ-SLĐTBXH. Ngoài ra, tại phiên tòa bà Hoa Nà trình bày theo văn bản của Phòng LĐTB&XH huyện CT, tỉnh Đồng Tháp gửi Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp đề nghị hỗ trợ xác minh hồ sơ kê khai thương tật của bà H, theo nội dung đề nghị thể hiện việc phản ánh của người dân tại cuộc họp Chi bộ nhưng cũng không xác định được cụ thể họ tên của người phản ánh. Đồng thời, sau khi bà H rút đơn khởi kiện tại Tòa án, bà H tiếp tục khiếu nại đến Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp đề yêu cầu hưởng chế độ thương binh, Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp đã làm việc, đối thoại với bà H nhiều lần nhưng không giải quyết được do “*Giấy chứng nhận bị thương*” của bà H đã bị rút lại nên Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp không thể chi trả chế độ chính sách thương binh cho bà H.

** Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang có văn bản ý kiến số 773/UBND-NCPC ngày 20/6/2019, trình bày như sau:*

Vào năm 1985, bà H xác lập hồ sơ thương binh, ghi bà H tham gia cách mạng ngày 02/01/1972, ngày 03/3/1972 trên đường đi công tác pháo địch bắn bị thương ở đầu, nơi bị thương là xã TH, huyện TH, tỉnh Kiên Giang, có một nhân chứng là ông Trần Văn T, nguyên là du kích xã TH thời điểm năm 1972 xác nhận. Sau đó Đảng ủy và UBND xã TH họp xét, đề nghị được UBND huyện TH cấp “*Giấy chứng nhận bị thương*” vào ngày 21/02/1985. Từ đó, bà H về tỉnh Cửu Long giám định thương tật, có các vết thương như: Vết thương thùy trán, khuyết sọ sọ dài 3cm có hội chứng tâm thần sau bị thương, tỷ lệ thương tật 21% = 4/4 và được Trường ty Thương binh Xã hội tỉnh Cửu Long ra Quyết định số CL-CK3720 ngày 01/7/1985 về việc trợ cấp thương tật và cấp sổ thương binh cho bà H.

Năm 1989, Nhân dân phản ánh về trường hợp bị thương của bà H, UBND huyện TH xem xét ra Quyết định số 133/UB-QĐ ngày 14/10/1989 về việc rút “*Giấy chứng nhận bị thương*” của bà H, không công nhận bà H là người được hưởng chính sách như thương binh. Bà H không đồng ý, làm đơn khiếu nại và cung cấp thêm hai nhân chứng xác nhận cho bà H có tham gia công tác giao liên của xã TH là ông Trần Thành Y và ông Nguyễn Văn Tr, hai ông này vào thời điểm năm 1972 là du kích xã TG (nay thuộc huyện TS, tỉnh An Giang). Từ đó UBND huyện TH ra Quyết định số 155/QĐ-UB ngày 14/12/1989 công nhận bà H là thương binh.

Năm 2004, một số Cán bộ lão thành Cách mạng tại huyện CT, tỉnh Đồng Tháp phản ánh về trường hợp thương binh của bà H. Thanh tra Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp phối hợp với Thanh tra Sở LĐTB&XH tỉnh Kiên Giang, Phòng Tổ chức Lao động huyện TH và Đảng ủy, UBND xã TT (tách ra từ xã TH) tiến hành xác minh và có biên bản đề nghị UBND huyện TH rút quyết định công nhận bị thương của bà H.

Ngày 18/10/2004, Chủ tịch UBND huyện TH xem xét ra Quyết định số 1115/QĐ-UB. Bà H không đồng ý nên khiếu nại.

Chủ tịch UBND huyện TH xem xét ra Quyết định số 79/QĐ-CT. Bà H không đồng ý làm đơn khiếu nại lên Tỉnh.

Kết quả kiểm tra hồ sơ và chứng cứ thì năm 1985 bà H làm hồ sơ chỉ có ông Trần Văn T xác nhận nhưng sau đó ông T đã rút lại xác nhận, lý do ông nhầm lẫn bà H với bà H1 (bà H1 là em của bà H), đồng thời ông T khẳng định bà H không có tham gia cách mạng và qua xem xét UBND xã TH đề nghị UBND huyện TH rút lại “*Giấy chứng nhận bị thương*” của bà H. Sau đó bà H có cung cấp thêm 03 người biết quá trình tham gia Cách mạng gồm ông Nguyễn Văn Ng, ông Trần Thành Y, ông Nguyễn Văn Tr thời điểm năm 1972 công tác tại xã TG, huyện ĐH (nay là huyện TS), tỉnh An Giang, nhưng qua xác minh chỉ có ông Nguyễn Văn Ng là người lãnh đạo trực tiếp và chứng kiến bà H bị thương (theo quy định phải có 02 người của cơ quan, đơn vị cũ biết rõ sự việc chứng nhận);

Ngày 24/01/2007, Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ra Quyết định số 126/QĐ-UBND công nhận một phần Quyết định số 133/UB-QĐ là đúng chính

sách pháp luật của Nhà nước; yêu cầu Chủ tịch UBND huyện TH ra Quyết định hủy bỏ một phần Quyết định số 133/UB-QĐ; đồng thời hủy bỏ các Quyết định số 155/UB-QĐ, Quyết định số 1115/QĐ-UB, Quyết định số 79/QĐ-CT vì không đúng thẩm quyền.

Ngày 07/02/2007, Chủ tịch UBND huyện TH ban hành Quyết định số 841/QĐ-UBND về việc hủy bỏ các Quyết định số 1115/QĐ-UB, Quyết định số 79/QĐ-CT và hủy bỏ một phần Quyết định số 133/UB-QĐ và đã được tổ chức triển khai đến bà H ngày 26/3/2007 (kèm biên bản triển khai).

Liên quan đến nội dung khởi kiện của bà H và Thông báo số 37/2019/TBTL-HC ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang có ý kiến như sau:

Về nội dung khởi kiện của bà H yêu cầu giải quyết hủy bỏ Quyết định số 1115/QĐ-UB, Quyết định số 79/QĐ-CT là không có cơ sở vì các quyết định trên đã được hủy bỏ tại Quyết định số 841/QĐ-UBND.

Về thời hiệu khởi kiện: Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý vụ án khởi kiện của bà H là không đúng khoản 3, Điều 116-Luật tổ tụng hành chính năm 2015 vì Quyết định số 133/UB-QĐ và Quyết định số 126/QĐ-UBND đã kết thời hiệu khởi kiện.

Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà H là không đúng khoản 3, khoản 4, Điều 32-Luật tổ tụng hành chính năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án cấp Tỉnh.

Qua hồ sơ giải quyết vụ việc, Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang giải quyết khiếu nại của bà H tại Quyết định số 126/QĐ-UBND là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

** Người bị kiện là UBND huyện TH và Chủ tịch UBND huyện TH:* Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã gửi thông báo về việc thụ lý giải quyết vụ án hành chính; Thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết khiếu nại của bà H nhưng UBND huyện TH và Chủ tịch UBND huyện TH không có văn bản ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo thông báo của Tòa án.

Tại phiên đối thoại người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện TH và Chủ tịch UBND huyện TH: Ông Trần Minh V không có ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Trần Minh V xác định việc xác nhận hồ sơ của bà H là do ông T xác nhận, ông T đã thay đổi lời khai xác nhận nhưng hiện nay ông T đã chết nên không thể chứng minh được. UBND huyện TH đã ban hành Quyết định số 133/UB-QĐ rút lại “*Giấy chứng nhận bị thương*” của bà H cho nên UBND huyện TH và Chủ tịch UBND huyện TH vẫn giữ quan điểm theo quyết định đã ban hành, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết yêu cầu, quyền lợi của bà H theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ: Điều 30; Điều 32; khoản 2, khoản 3 Điều 116; Điều 158; Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Điều 32 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim H: Yêu cầu hủy các Quyết định 83, 111, 114 của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp; hủy Quyết định 133 của Ủy ban nhân dân huyện TH; xem xét tính hợp pháp của quyết định số 841 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TH; hủy Quyết định 126 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang.

Hủy Quyết định số 83/QĐ-TH ngày 29/11/2004 về việc thu hồi quyền lợi, chế độ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

Hủy Quyết định số 111/QĐ-LĐTBXH ngày 21/6/2011 về việc thu hồi tiền chế độ trợ cấp người hưởng chính sách như thương binh của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

Hủy Quyết định số 114/QĐ-SLĐTBXH ngày 24/6/2011 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Kim H, cư ngụ ấp AHN, xã TB, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

Hủy Quyết định số 133/QĐ-UB ngày 14/10/1989 về việc rút lại giấy chứng nhận bị thương do không phải là thương binh của bà Nguyễn Kim H của Ủy ban nhân dân huyện TH.

Hủy một phần của Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 07/02/2007 về việc thu hồi, hủy bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện TH đối với trường hợp của bà Nguyễn Kim H, ngụ tại ấp Hòa An, xã TB, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TH.

Hủy quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 24/01/2007 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Kim H, cư ngụ ấp Hòa An, xã TB, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Phục hồi lại chế độ chính sách thương binh cho bà Nguyễn Kim H theo quy định của pháp luật.

Buộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp thực hiện chi trả chế độ trợ cấp thương binh đối với bà Nguyễn Kim H từ khi bị cắt chế độ thương binh từ năm 2004 đến nay theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang có đơn kháng cáo đối với một phần bản án sơ thẩm về nội dung tuyên hủy Quyết định số 126/QĐ-UBND.

Lý do kháng cáo:

1/ Bà H xác lập hồ sơ thương binh vào năm 1985 nên việc xem xét chế độ thương binh phải áp dụng Nghị định số 08/NĐ-76 ngày 17/6/1976 của Hội đồng Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam về chính sách, chế độ đối với thương binh, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ (gọi tắt là: Nghị định số 08/NĐ-76) và Thông tư số 5/TT-76. Do đó, điều kiện để UBND huyện TH cấp “*Giấy chứng nhận bị thương*” cho bà H phải căn cứ vào Điểm 1, Mục B, Phần 3 Thông tư số 5/TT-76 “*...những trường hợp bị thương hoặc hy sinh từ*

lâu, nay cơ quan, đơn vị cũ không còn thì phải có 02 người của cơ quan, đơn vị cũ biết rõ sự việc hoặc có người là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cũ chứng nhận và chịu trách nhiệm (cơ quan, đơn vị hoặc chính quyền địa phương nơi những người chứng thực công tác, cư trú xác nhận chữ ký) rồi đưa đến Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nếu là cán bộ dân, chính, đảng thoát ly) để xem xét giải quyết. Đối với cán bộ xã không thoát ly và công dân thì Ủy ban nhân dân cách mạng huyện xem xét giải quyết...”

Sau khi có phản ánh, cơ quan chức năng đã kiểm tra lại hồ sơ thương binh của bà H và làm việc trực tiếp với ông Trần Văn T, nguyên du kích xã TH thời điểm năm 1972. Hồ sơ thể hiện có duy nhất ông T là người xác nhận, đồng thời ông T không phải là lãnh đạo trực tiếp của bà H. Mặc khác, qua làm việc, ông T đã rút lại xác nhận với lý do nhầm lẫn giữa bà H với bà Nguyễn Thị Hồng là em ruột bà H (kèm tờ tường trình của ông T được UBND xã TT xác nhận ngày 30/9/2004). Do đó, trường hợp của bà H không thỏa các điều kiện được quy định tại Điểm 1, Mục B, Phần 3 Thông tư số 5/TT-76 nên việc UBND huyện TH rút “*Giấy chứng nhận bị thương*” là đúng quy định pháp luật.

2/ Trong quá trình khiếu nại, bà H có cung cấp 3 nhân chứng mới gồm các ông: Trần Thành Y, Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Văn Ng. Qua kiểm tra hồ sơ thể hiện 03 người này đều tham gia công tác trên địa bàn xã TS, huyện Huệ Đức (nay là huyện TS), tỉnh Long Châu Hà (nay là tỉnh An Giang), không phải là thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc cùng đơn vị công tác với bà H. Do đó, việc xác nhận của 3 người này không đủ cơ sở để UBND huyện TH cấp “*Giấy chứng nhận thương binh*” theo quy định tại Điểm 1. Mục B, Phần 3 Thông tư số 5/TT-76, nên việc UBND huyện TH rút lại “*Giấy chứng nhận bị thương*” đã cấp cho bà H là phù hợp.

Từ hai lý do nêu trên, việc Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 126/QĐ-UBND là đúng chính sách pháp luật.

3/ Ngoài ra kháng cáo còn nêu: Riêng đối với việc hướng dẫn bà H khiếu nại xin được hưởng chính sách thương binh thì làm đơn đến UBND tỉnh Đồng Tháp là hoàn toàn phù hợp với quy định của Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 (sửa đổi bổ sung năm 2004 và năm 2005), vì việc thực hiện các chế độ liên quan đến chính sách thương binh đối với bà H thuộc trách nhiệm quản lý của tỉnh Đồng Tháp, là địa phương bà H đang cư trú (cụ thể là Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận và trợ cấp thương binh).

Từ những lý do đã phân tích trên, việc Tòa cấp sơ thẩm hủy Quyết định số 126/QĐ-UBND là không phù hợp với quy định của pháp luật.

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, giữ nguyên Quyết định số 126/QĐ-UBND.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người kháng cáo: Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang xin vắng mặt, vẫn giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo ngày 09/7/2020, không cung cấp chứng cứ mới.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang, trình bày: Bảo lưu Quyết định số 126/QĐ-UBND và các lý do cùng yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang như đơn kháng cáo ngày

09/7/2020 đã nêu trên; sau khi ban hành Quyết định 126/QĐ-UBND bà H tiếp tục khiếu nại và có cung cấp chứng cứ mới là những người làm chứng xác nhận bà H là người có tham gia kháng chiến, bị thương năm 1972 là ông Ngọc, ông Trường, ông Yên nhưng những người này không hoạt động trên địa bàn xã TH (nay là xã TT), huyện TH nên việc cấp “*Giấy chứng nhận bị thương*” cho bà H cũng không thuộc trách nhiệm của huyện TH. Vì thế, đề nghị Tòa chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang; sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

Bà H không đồng ý toàn bộ lý do và yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang, bởi bà tham gia Cách mạng là do ông Nguyễn Văn Ng (Năm Ngọc) móc nối, hướng dẫn; bà làm giao liên cho 02 xã TH, huyện TH, tỉnh Kiên Giang và xã TG, huyện TS, tỉnh An Giang do thời kháng chiến 02 xã có chung một căn cứ hoạt động là Rừng Tràm Dương, bà làm nhiệm vụ giao liên cho 02 xã là do bà được ông Hai Vốn là cán bộ Chi ủy viên phụ trách kinh tài xã TH và ông Năm Ngọc là Chủ tịch kiêm bí thư xã TS tổ chức. Khi bà bị Thương những người làm chứng do bà cung cấp đều biết.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H, bảo lưu lời trình bày của Luật sư tại cấp sơ thẩm, thống nhất như trình bày của bà H, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp, trình bày: Do không có kháng cáo nên không có ý kiến. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện TH: Do không có kháng cáo nên cũng không có ý kiến. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

Về nội dung: Kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang là không có căn cứ để chấp nhận; bởi bà H tham gia hoạt động Cách mạng làm giao liên cho 02 xã TH, huyện TH, tỉnh Kiên Giang và xã TG, huyện TS, tỉnh An Giang có xác nhận của nhiều người làm chứng đủ căn cứ để cấp “*Giấy chứng nhận bị thương*” và công nhận bà H là Thương binh, người hưởng chính sách như Thương binh theo hướng dẫn tại Thông tư số 5/TT-76 và khi thực hiện giải quyết khiếu nại Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang đã không xem xét hết các chứng cứ và các quy định của pháp luật nên dẫn đến việc ban hành Quyết định 126/QĐ-UBND không chính xác. Nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

I - Về thủ tục:

[1] Tòa sơ thẩm xét xử trong các ngày ngày 14 tháng 5, ngày 03 tháng 6

và tuyên án ngày 08 tháng 6 năm 2020 vắng mặt Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang; đến ngày 24 tháng 6 năm 2020 Tòa sơ thẩm chuyển phát nhanh Bản án sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 08/6/2020 qua đường Buu điện đến ngày 29/6/2020 Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang nhận được bản án sơ thẩm nên ngày 09 tháng 7 năm 2020 Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm là trong hạn luật định được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

[2] Người kháng cáo có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 225 Luật tổ tụng hành chính Tòa xét xử vắng mặt người kháng cáo.

[3] Khiếu kiện của bà Nguyễn Kim H kéo dài qua nhiều thời kỳ áp dụng pháp luật khác nhau nên căn cứ khoản 1 Điều 156 Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 Tòa áp dụng văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại từng thời điểm để giải quyết.

[4] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hường thì vụ án có quan hệ tranh chấp về: “*Khiếu kiện quyết định hủy “Giấy chứng nhận bị thương”; Quyết định đình chỉ trợ cấp thương binh và Quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Các quan hệ tranh chấp trên được pháp luật quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 115 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Luật khiếu nại năm 2011 và các quy định có liên quan.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng các quan hệ tranh chấp trên và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại điều 30, điều 32 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

[5] Về thời hiệu khởi kiện: Bà H đã khởi kiện quyết định số 126 tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang năm 2007 nhưng bị trả lại đơn lý do không thuộc thẩm quyền giải quyết, bà H tiếp tục khiếu nại nhiều nơi.

Tại Công văn số 317/TTr-NCC ngày 20/5/2016 của Thanh tra Bộ LĐTĐ&XH. Gửi Sở LĐTĐ&XH tỉnh Đồng Tháp, nêu (BL 173): *Việc bà H cung cấp tình tiết mới để chứng minh trường hợp bị thương, Thanh tra Bộ LĐTĐ&XH đề nghị Sở LĐTĐ&XH tỉnh Đồng Tháp hướng dẫn bà H liên hệ UBND huyện TH, tỉnh Kiên Giang để được xem xét cấp “Giấy chứng nhận bị thương” theo quy định hiện hành.*

Tại Thông báo số 71/TB-VP, ngày 31/10/2016 của Văn phòng UBND huyện TH. Thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND huyện tại cuộc họp tiếp công dân định kỳ tháng 9 năm 2016, có nội dung: *...UBND huyện TH không có cơ sở để thực hiện việc cấp “Giấy chứng nhận bị thương” theo quy định cho bà H.*

Bà H tiếp tục khiếu nại đến ngày 28/6/2017 Sở LĐTĐ&XH tỉnh Đồng Tháp mời bà H làm việc và hướng dẫn bà H mang đầy đủ thủ tục đến địa phương tỉnh Kiên Giang để được xem xét, giải quyết cấp “*Giấy chứng nhận bị thương*” theo thẩm quyền quy định của pháp luật. Khi đó Sở LĐTĐ&XH tỉnh Đồng Tháp mới có đủ căn cứ để làm thủ tục chi trợ cấp thương binh cho bà. Cho nên ngày 11/4/2018, bà H có đơn khởi kiện vụ án hành chính là còn thời hiệu theo quy định tại Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

II- Về nội dung:

Đối với kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang. Xét:

[1] Ngày 20/02/1985 Đảng Ủy-UBND xã TH lập “*Biên bản Đề nghị xác nhận thương binh*”, xác định bà H, bị thương ngày 03/3/1972, đang đi trên đường công tác; nơi bị thương xã TH; tình trạng vết thương: Một miến đạn trúng vào đầu. Ngày 21/02/1985 UBND huyện TH cấp “*Giấy chứng nhận bị thương*” cho bà H. Nội dung: Xác nhận bà H tham gia công tác giao liên xã TH từ ngày 02/01/1972, bị thương ngày 03/3/1972. Trường hợp bị thương: Được tổ chức phân công giao liên từ xã TH qua xã Nam Thái Sơn trên đường đi máy bay địch phát hiện bắn bị thương. VT Đầu phía phải. Sau khi bị thương đã điều trị tại Quân Y huyện TH.

+ Căn cứ vào “*Giấy chứng nhận bị thương*” ngày 21/02/1985 của UBND huyện TH cấp cho bà H nên vào ngày 04/6/1985 Hội đồng y khoa tỉnh Cửu Long lập “*Biên bản giám định thương tật*” (BL 399), xác định: bà H...: VT thùy trán, khuyết sọ, sọ dài 3cm có hội chứng tâm thần, sau bị thương... Quyết định của Hội đồng. Đồng chí Hường được xác định tỷ lệ thương tật là 21% xếp hạng thương binh 1/8 (một) vĩnh viễn.

Như vậy, “*Biên bản giám định thương tật*” của Hội đồng y khoa tỉnh Cửu Long là đúng trình tự, thủ tục theo hướng dẫn tại Điểm 2 (*Khám định thương tật*), Mục A, Phần thứ hai và Tiểu điểm b (*Về giấy xác định thương tật*) Điểm 1, Mục B, Phần thứ ba Thông số 5/TT-76. Nên được coi là căn cứ xác định bà H bị thương ở vùng đầu với tỷ lệ thương tật 21% là có thật.

Còn việc bà H bị thương trong trường hợp nào để có thể được công nhận là Thương binh hay không phải là Thương binh là điều cần được xem xét.

[2] Xét, lý do kháng cáo Thứ (1) nêu trên của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Với lý do vừa nêu thì rõ ràng các cơ quan thực hiện chính sách đối với Thương binh và người được hưởng chính sách như Thương binh từ Đảng Ủy – Chính quyền địa phương xã TH đến UBND – Chủ tịch UBND huyện TH; Trưởng ty TB&XH tỉnh Cửu Long; Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang; Sở LĐTB&XH cùng Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp đều thực hiện đúng về hình thức đối với “*Thủ tục lập hồ sơ xác nhận và giải quyết quyền lợi cho Thương binh...(cho bà H)*” theo hướng dẫn tại Điểm 1, Mục B, Phần thứ ba Thông tư số 5/TT-76 và quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, nhưng về nội dung thì hoàn toàn sai ngay từ đầu nên “*Các văn bản do Đảng Ủy – Chính quyền địa phương xã TH đến UBND – Chủ tịch UBND huyện TH; Trưởng ty TB&XH tỉnh Cửu Long; Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang; Sở LĐTB&XH cùng Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp*” ban hành đều bị coi là vi phạm quy định (không đúng) về nội dung nên cần được hủy bỏ mà không cần phải xem xét về việc các văn bản, quyết định đã ban hành có đúng về trình tự, thủ tục, về thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật hay không; bởi: Ông Trần Văn T chỉ là du kích xã TH thời điểm năm 1972 ông T không phải là “*Lãnh đạo trực tiếp của bà H*” nên việc chỉ một mình ông T xác nhận bà H là người tham gia cách mạng tại xã TH và bị thương thời điểm năm 1972 mà không phải là 02 người của cơ quan, đơn vị cũ của bà H hoặc

“*Lãnh đạo trực tiếp của bà H*” xác nhận là không đúng quy định nêu trên. Cho nên các văn bản, Quyết định sau đây đều phải bị hủy bỏ do vi phạm quy định về mặt nội dung tức chỉ căn cứ vào xác nhận ban đầu của cá nhân ông Trần Văn T cho rằng bà H là người tham gia cách mạng bị thương năm 1972 để cấp “*Giấy chứng nhận bị thương*” và ban hành các văn bản tiếp theo rồi đến việc phản ánh của người dân và xác nhận lại của ông T cho rằng xác nhận làm tưởng bà H là bà H1 em bà H và bà H bị tật bẩm sinh, không có tham gia Cách mạng tại xã TH năm 1972 để rút “*Giấy chứng nhận bị thương*” và từ đó giải quyết khiếu nại bác đơn của bà H mà không nêu rõ trong các văn bản, quyết định đã ban hành là chỉ có ông T trong khi ông T không phải là lãnh đạo của bà H xác nhận cho bà H để lập thủ tục Thương binh là không đúng các hướng dẫn tại Thông tư số 05/TT-76 nêu trên, cụ thể các văn bản, quyết định sau đây bị hủy bỏ là: “*Biên bản Đề nghị xác nhận thương binh*” ngày 20/02/1985 của Đảng Ủy-UBND xã TH; “*Giấy chứng nhận bị thương*” ngày 21/02/1985 của UBND huyện TH cấp cho bà H; Quyết định số CLCK.3720; Biên bản ngày 13/10/1989 của Đảng ủy-UBND xã TH đề nghị hủy bỏ biên bản đề nghị xác nhận thương binh do Cấp ủy, Ủy ban ký ngày 20/02/1985; Quyết định số 133/UB-QĐ; Quyết định số 155/UB-QĐ; Biên bản ngày 20/9/2004 của Đảng ủy – UBND xã TH (nay là xã TT) khẳng định bà H mắc bệnh bẩm sinh từ nhỏ và không tham gia công tác, ông Trần Văn T tham gia du kích năm 1972 hiểu rõ bà H không có tham gia công tác xã TH; Quyết định số 1115/QĐ-UB; Quyết định số 83/QĐ-TH; Quyết định số 79/QĐ-CT; Quyết định số 126/QĐ-UBND; Quyết định số 841/QĐ-UBND; Quyết định số 111/QĐ-SLĐTBXH ngày 21/6/2011; Quyết định số 114/QĐ-SLĐTBXH.

[3] Sau khi Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số Quyết định số 126/QĐ-UBND bà H tiếp tục khiếu nại và đồng thời cung cấp chứng cứ mới là:

1/ Tờ tự khai ngày 01 tháng 4 năm 2008 ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1953; cư trú tại: Ấp Hưng Mỹ Đông, xã Long Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Tự cách tự khai: Là cùng tổ chức, đơn vị TG, TS, Ang Giang. (BL365, 366, 749, 750).

Ông Trường khai: Từ năm 1972, ông Trường công tác ở lực lượng vũ trang xã TS cũ, nay là xã TG, huyện TS, tỉnh An Giang. ...Nay vì tinh thần trách nhiệm, vì chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, tôi xin được trình bày và xin xác nhận trường hợp của cô Nguyễn Kim H, quê quán xã Tân Nhuận Đông, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp... như sau:

Trong những năm kháng chiến 1972-1975 địa bàn TS cũ, nay là xã TG và xã TH có chung một căn cứ duy nhất là Rừng Tràm Dướng, ở thời điểm đó Rừng Tràm Dướng có rất nhiều đơn vị chủ lực của ta qua lại, những lần ta hoạt động mạnh địch phản kích ác liệt, trường hợp bị thương của cô Nguyễn Kim H vào khoảng tháng 3/1972 là bị pháo bắn, lúc đó đơn vị ở gần, sau khi bị thương cô H được đưa về Rừng Tràm Dướng QY.K6 điều trị, vì địa bàn nhỏ, căn cứ cũng không rộng, nên tôi biết rõ có lần móc nối với cô H giao nhận tài liệu và lương thực...khi tôi biết sự thật anh Hai Vốn là cán bộ chi ủy viên phụ trách kinh tài xã TH và chú Năm Ngọc Chủ tịch kiêm bí thư xã TS giới thiệu cô H là

đầu mối giao liên của hai xã TH và TS do Chú Năm Ngọc và anh Hai Vốn tổ chức.

Vậy theo yêu cầu của tổ chức tôi xin được xác nhận và cam đoan những lời xác nhận trên hoàn toàn là đúng sự thật nếu sai trái tôi chịu trách nhiệm trước Đảng và Nhà nước. (Tờ tự khai của ông Nguyễn Văn Tr được UBND xã Long Hưng A chứng thực chữ ký cùng ngày 04/4/2008 và biên bản lấy lời khai 07/03/2013 ông Trường cũng thừa nhận như vừa nêu).

2/ Tờ tự khai ngày 02/4/2008 ông Trần Thành Y (tự ba Sơn), sinh năm 1952; cư trú tại: Ấp Hưng Mỹ Đông, xã Long Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (BL363, BL 747, 748): Tư cách của người tự khai cùng chung tổ chức Cách mạng, TS. Ông Yên khai: “Tôi xin xác nhận cho chị Nguyễn Kim H (tự Thắm)... Thời kháng chiến lúc năm 1972, Tôi công tác Cách mạng tại xã TS. Tháng 3/1972 trong trận chống càn, Tôi bị thương, điều trị ở Quân Y K6 tại Rừng Tràm Dương, lúc ấy Tôi là Tiểu đội trưởng du kích xã TS (nay là xã TG). Lúc đó chị Hường là cơ sở giao liên của 02 xã TH và TG, quan hệ công tác cùng anh Hai Vốn, lúc đó anh Hai Vốn là Chi ủy viên Chi bộ của xã TH, phụ trách kinh tài xã TH và chú Năm Ngọc là Chủ tịch kiêm Bí Thư xã TG, vì 02 xã chung một căn cứ duy nhất là Rừng Tràm Dương. Trong công tác, chị Hường bị pháo địch bắn, chị bị thương ở vùng đầu và cùng điều trị ở Quân Y K6, nên Tôi biết rõ chị Hường có công tác và có bị thương là sự thật, gia đình của chị Hường là truyền thống Cách mạng, ông già cũng là Cách mạng và có ở tù...”

Nay yêu cầu về thủ tục thương binh của chị Hường và tổ chức, nên đề bổ sung thêm hồ sơ thương binh cho đầy đủ, Tôi cam kết nội dung xác nhận đây là sự thật, nếu có gì sai Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn (Tờ tự khai của ông Trần Thành Y được UBND xã Long Hưng A chứng thực chữ ký cùng ngày 02/4/2008 ngoài ra tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2013 ông Yên cũng thừa nhận như nêu trên).

3/ Tờ tự khai ngày 07/4/2008 ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1935; cư trú tại: Ấp Nam Huê, xã Bình Thành, huyện TS, tỉnh An Giang (BL362, 352; 751, 752; 383). Tư cách của người tự khai: Thủ trưởng. Ông Ngọc khai: Tôi nguyên là cán bộ hưu trí trong hoạt động kháng chiến chống Mỹ, Tôi tham gia Cách mạng năm 1960, hoạt động ở địa bàn TS, đến năm 1968, chức vụ là Chủ tịch kiêm kinh tài xã TS. Từ năm 1969-1987 là Chủ tịch kiêm Bí thư xã TS. Từ năm 1987-1989 là Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc huyện TS, tỉnh An Giang. Năm 1992 nghỉ hưu (là Chủ tịch Cựu chiến binh xã).

Nay tôi xác nhận theo yêu cầu chính sách của của Đảng và cô Nguyễn Kim H (tự Thắm)...

Vào năm 1971, tôi có mối nối với cô H là cơ sở liên hoạt động hợp pháp (là cơ sở do tôi trực tiếp tổ chức), vì gia đình truyền thống kháng chiến cũ, bản thân cô H cơ bản tin Đảng, nguyện theo Đảng.

Đến năm 1972, Tôi có giới thiệu đồng chí Hai Vốn là Chủ tịch Kiêm kinh tài xã TH tiếp tục mối nối hoạt động ở địa bàn do anh phụ trách. Vì hai xã TS và TH ở chung một căn cứ duy nhất là Rừng Tràm Dương.

Vào khoảng tháng 3 năm 1972, cô H về dự cuộc họp để giao tài liệu và nhận nhiệm vụ, lực lượng của ta chống càn trên địa bàn xã TH, địch phản kích,

pháo oanh tạc nên cô H bị thương được Tôi cùng Hai Vốn tổ chức đưa vào Quân Y K6 điều trị (đồng chí Hai Vốn Nay đã chết), trường hợp này tôi biết rõ, nay do yêu cầu chính sách lớn của Đảng, tôi xin xác nhận bổ sung hồ sơ thương binh, tôi xin xác nhận rõ với nội dung là cô Nguyễn Kim H do bị pháo bắn bị thương ở phần đầu là đúng sự thật.

Trong trường hợp cô H, Tôi và Hai Vốn giao nhiệm vụ công tác, nên quá trình công tác và bị thương Tôi biết rõ, Tôi thừa nhận cô H đầu mối cơ sở giao liên giữa 02 xã TH và TS là sự thật, nếu sai Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Đảng và Nhà nước. Đến năm 1973 cô H được Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Long Châu Hà rút về, lúc này Tôi không rõ (Tờ tự khai của ông Nguyễn Văn Ng được UBND xã Bình Thành chứng thực chữ ký hợp pháp, ngoài ra tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2013 ông Ngọc cũng thừa nhận như nêu trên).

4/ Tại Giấy xác nhận ngày 13/02/2004 (BL350, 360) ông Nguyễn Văn Th1 (Nguyễn Văn H2), sinh năm 1932, trình bày: Ông Th1 tham gia công tác năm 1946 trong chống Pháp ở Sở Công An Nam Bộ - Phân Khu 8, Ty Công An tỉnh Long Châu Sa cho đến đình chiến chống Pháp năm 1954 được chọn ở lại Miền Nam bảo vệ TV-TU (Thường vụ Tỉnh Ủy) Long Châu Sa – SĐ, cán bộ phong trào gây dựng cơ sở TU (Tỉnh Ủy) SĐ, Trưởng Văn phòng TXU (Thị xã Ủy) SĐ, cán bộ TU SĐ, đến SĐ nhập Vĩnh Long, UV Ban Binh Vận tỉnh, Đội trưởng đội công tác Nội tuyến Ban Binh Vận Khu Tây Nam Bộ; TUV phó Ban BV (Bảo vệ) Tỉnh ủy LCH (Long Châu Hà) cho đến kết thúc chiến tranh chống Mỹ 30/4/1975.

Sau giải phóng giữ chức vụ: Tổng thu ký UBQQ-TX (Ủy ban Quân quản- thị xã) Long Xuyên - UV Thư ký UBND tỉnh LCH, TUV- Chánh Văn phòng UBND tỉnh An Giang. Chủ nhiệm UBVG (Ủy ban Vật giá) tỉnh An Giang; Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh An Giang cho đến khi nghỉ hưu. Hiện đang sinh hoạt Đảng tại Đảng bộ Phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ông Thành xác nhận bà Nguyễn Kim H tham gia công tác công khai năm 1971 tại xã TH, có bị thương (Giấy xác nhận của ông Thành được UBND Phường Mỹ Thới chứng thực ngày 14/12/2004).

+ Giấy xác nhận ngày 19/6/2009 ông Nguyễn Thành Trung, sinh năm 1921. Cán bộ hưu trí. Phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, xác nhận (BL359): “Cháu H bí danh HT, sinh năm 1954... Tôi biết rõ cháu Hường là cơ sở cho 02 xã TS và TH lúc bị thương còn hoạt động ở xã. Sau bị thương năm 1973 được rút về Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Long Châu Hà.... Lúc này Tôi bí thư huyện CT A. Ban Tuyên huấn đóng trên địa bàn tôi hoạt động nên tôi biết rõ cháu Hường...”.

Với những chứng cứ mới bổ sung vừa nêu đủ căn cứ để bác bỏ cả lý do kháng cáo thứ hai (2) của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang cho rằng ông Trường, ông Yên, ông Ngọc xác nhận cho bà H là không đủ căn cứ để cấp “*Giấy chứng nhận bị thương*” vì họ không công tác chung xã, bởi các chứng cứ bổ sung trên đã xác định bà H là đầu mối giao liên của 02 xã TH và TS và những người xác nhận là ông Yên, ông Trường là người công tác chung căn cứ Rừng Tràm Dương, ông Ngọc là người lãnh đạo trong căn cứ Rừng Tràm

Dưỡng cũng là người móc nối để đưa bà H làm giao liên cho 02 xã TH và TS; còn ông Thanh, ông Trung là người xác nhận bà H sau khi trị thương xong vẫn tiếp tục hoạt động Cách mạng đến khi thống nhất đất nước nên bà H đủ điều kiện để được cấp “*Giấy chứng nhận bị thương*” và lập thủ tục hưởng chế độ chính sách Thương binh theo quy định tại Điểm 1, Mục B, Phần 3 Thông tư số 5/TT-76 là quy định tại thời điểm năm 1985 bà H lập thủ tục xác nhận Thương binh, người hưởng chính sách như Thương binh do việc lập thủ tục để giải quyết chế độ Thương binh, người được hưởng chính sách như Thương binh cho bà H sai ngay từ đầu là do lỗi của Đảng ủy- UBND xã TH (nay là xã TT) và UBND huyện TH chứ không phải bà H; nên bà H phải được lập lại thủ tục để được hưởng chế độ Thương binh, người được hưởng chính sách như Thương binh theo quy định tại Nghị định số 08-NĐ-76 và Thông tư số 5/TT-76 và các quy định hiện hành.

[4] Với những viện dẫn nêu trên việc Tòa cấp sơ thẩm hủy các Quyết định của UBND- Chủ tịch UBND huyện TH; Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang và Sở LĐTB&XH, Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp là đúng nhưng phần nhận định để hủy các quyết định trên là chưa chính xác, vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát; không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang, sửa án sơ thẩm hủy toàn bộ các Văn bản và Quyết định liệt kê trên; buộc UBND xã TT (xã TH cũ), huyện TH; UBND huyện TH, tỉnh Kiên Giang; Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp phải lập lại thủ tục cấp “*Giấy chứng nhận bị thương*” cho bà H và ra Quyết định công nhận bà H là Thương binh, người được hưởng chính sách như Thương binh theo quy định của Nghị định số 08-NĐ-76 và Thông tư số 5/TT-76 và các quy định hiện hành.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên căn cứ khoản 2 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang không phải nộp án phí, hoàn trả Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006013 ngày 20/7/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

[6] Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241; khoản 2 Điều 349; các Điều 3, 30, 115, 116, 206, 225 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 1 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Điểm 2, Mục A, Phần thứ hai và Điểm 1, Mục B, Phần thứ ba Thông tư số 5/TT-76 ngày 17-6-1976 của Phủ Chủ tịch Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Về việc giải

thích và hướng dẫn thêm một số điểm thi hành Nghị định số 08-NĐ-76 ngày 17-6-1976 của Hội đồng Chính phủ về chính sách, đối với thương binh, liệt sỹ; Luật khiếu nại năm 2011; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Bác kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang, sửa án sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về nội dung. Cụ thể:

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, hủy các văn bản, Quyết định sau đây:

Hủy “*Biên bản Đề nghị xác nhận thương binh*” ngày 20/02/1985 của Đảng Ủy-UBND xã TH;

Hủy “*Giấy chứng nhận bị thương*” ngày 21/02/1985 của UBND huyện TH cấp cho bà H;

Hủy Quyết định số CLCK.3720 ngày 21/7/1985 của Trường ty Thương binh và Xã hội tỉnh Cửu Long quyết định trợ cấp thương tật và cấp sổ Thương binh cho bà H;

Hủy Biên bản ngày 13/10/1989 của Đảng ủy-UBND xã TH đề nghị hủy bỏ biên bản đề nghị xác nhận thương binh do Cấp ủy, Ủy ban ký ngày 20/02/1985;

Hủy Quyết định số 133/UB-QĐ ngày 14/10/1989 của Ủy ban nhân dân huyện TH về việc rút lại giấy chứng nhận bị thương do không phải là thương binh của bà Nguyễn Kim H.

Hủy Quyết định số 155/UB-QĐ ngày 14/12/1989 của UBND huyện TH ban hành công nhận bà H là Thương binh và được hưởng chế độ, chính sách như Thương binh;

Hủy Biên bản ngày 20/9/2004 của Đảng ủy – UBND xã TH (nay là xã TT) khẳng định bà H mắc bệnh bẩm sinh từ nhỏ và không tham gia công tác, ông Trần Văn T tham gia du kích năm 1972 hiểu rõ bà H không có tham gia công tác xã TH;

Hủy Quyết định số 1115/QĐ-UB ngày 18/10/2004 của UBND huyện TH rút lại Quyết định số 155/UB-QĐ nêu trên;

Hủy Quyết định số 83/QĐ-TH ngày 29/11/2004 của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp, về việc thu hồi quyền lợi, chế độ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh của bà H.

Hủy Quyết định số 79/QĐ-CT ngày 01/02/2005 của Chủ tịch UBND huyện TH khẳng định Quyết định số 1115/QĐ-UB là đúng, không chấp nhận khiếu nại của bà H;

Hủy quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 24/01/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang, về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Kim H, cư ngụ ấp Hòa An, xã TB, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp.

Hủy Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 07/02/2007 của Chủ tịch UBND huyện TH, về việc thu hồi, hủy bỏ các quyết định của UBND huyện TH đối với trường hợp của bà Nguyễn Kim H, ngụ tại ấp Hòa An, xã TB, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp.

Hủy Quyết định số 111/QĐ-LĐTBXH ngày 21/6/2011 về việc thu hồi tiền chế độ trợ cấp người hưởng chính sách như thương binh của Giám đốc Sở LĐTB&XH tỉnh Đồng Tháp.

Hủy Quyết định số 114/QĐ-SLĐTBXH ngày 24/6/2011 của Giám đốc Sở LĐTB&XH về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Kim H, cư ngụ ấp AHN, xã TB, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp.

Hủy Thông báo số 71/TB-VP, ngày 31/10/2016 của Văn phòng UBND huyện TH.

3/ Buộc Ủy ban nhân dân xã TT (xã TH cũ), huyện TH; Ủy ban nhân dân huyện TH, tỉnh Kiên Giang; Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Tháp phải lập lại thủ tục cấp “*Giấy chứng nhận bị thương*” cho bà Nguyễn Kim H và ra Quyết định công nhận bà Nguyễn Kim H là Thương binh, người được hưởng chính sách như Thương binh theo quy định của Nghị định số 08-NĐ-76 ngày 17/6/1976 của Hội đồng Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam về chính sách, chế độ đối với thương binh, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ; Thông số 5/TT-76 ngày 17-6-1976 của Phủ Chủ tịch Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Về việc giải thích và hướng dẫn thêm một số điểm thi hành Nghị định số 08-NĐ-76 ngày 17-6-1976 của Hội đồng Chính phủ về chính sách, đối với thương binh, liệt sĩ và các quy định hiện hành.

4/ Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang không phải nộp, hoàn trả Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006013 ngày 20/7/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

5/ Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC
- VKSNDCC tại TPHCM.
- TAND tỉnh Đồng Tháp.
- VKSND tỉnh Đồng Tháp.
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp.
- Các đương sự (5).
- Lưu HS (02) VP (5) 15b (án 09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu